

Deloitte.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ
XÂY DỰNG VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12 - 47



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Xây những giá trị, dựng những ước mơ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thành Phương	Chủ tịch
Ông Hoàng Nguyên Học	Thành viên
Ông Hoàng Anh Xuân	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2014)
Ông Lê Đăng Dũng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2014)
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên
Ông Đoàn Châu Phong	Thành viên
Ông Đinh Việt Tùng	Thành viên
Ông Vũ Quý Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Thiết	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Quý Hà	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Diệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vương Công Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Việt Tùng	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2014)
Ông Lê Doanh Yên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Văn Mậu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Trọng Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 8 năm 2014)
Ông Thân Thế Hà	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 8 năm 2014)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Xây những giá trị, dựng những ước mơ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Quý Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2014

Số: 336 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 28 tháng 8 năm 2014, từ trang 06 đến trang 47. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

- Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 và Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex (các công ty con của Tổng công ty) có các khoản phải thu khách hàng, phải thu gốc và lãi ủy thác đầu tư đã quá hạn thanh toán theo hợp đồng và khó có khả năng thu hồi với tổng số tiền khoảng 91 tỷ VND; đồng thời, Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 có các hạng mục xây dựng cơ bản dở dang đang phản ánh ở khoản mục Hàng tồn kho đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán trên ba năm với số tiền khoảng 15 tỷ VND. Chúng tôi không thu thập được các bằng chứng về khả năng thu hồi đối với các khoản phải thu và giá trị thuần có thể thực hiện của số hàng tồn kho nói trên cũng như không thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá về dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày 30 tháng 6 năm 2014. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.
- Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel (Công ty liên kết của Tổng Công ty) có số dư tiền gửi tại một công ty tài chính khác với số tiền là 79 tỷ VND và số dư trái phiếu doanh nghiệp với giá trị ghi sổ là 150 tỷ VND đã đáo hạn trên một năm nhưng chưa thu hồi được. Chúng tôi không thu thập được các bằng chứng về khả năng thu hồi đối với các khoản tiền gửi và trái phiếu doanh nghiệp nói trên cũng như không thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá về dự phòng rủi ro tài chính cần phải trích lập tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, do đó chúng tôi không xác định được khoản lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2014 của Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel mà Tổng Công ty cần ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các vấn đề cần nhấn mạnh:

- Chúng tôi lưu ý tới Thuyết minh số 9 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty và Tập đoàn Viễn thông Quân đội đang thực hiện các thủ tục thống nhất giá trị vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả trong giao dịch chuyển nhượng cổ phần. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 32 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Thông báo số 65/TB-VPCP ngày 29 tháng 02 năm 2012 của Văn phòng Chính phủ nêu “Ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ về xử lý tài chính sau thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam” có đề cập một số vấn đề đã được nêu trong báo cáo của Thanh tra Chính phủ. Ý kiến kết luận về các vấn đề này có thể làm phát sinh các khoản công nợ tiềm tàng của Tổng Công ty. Hiện tại, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc, giải trình với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về các nội dung liên quan đến ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến các vấn đề nêu trên.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 8 năm 2014
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Quỳnh Hoa
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
0910-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		12.080.211.659.823	12.928.241.462.655
(100=110+120+130+140+150)				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	782.020.016.858	1.110.600.948.438
1. Tiền	111		459.432.292.913	760.194.948.438
2. Các khoản tương đương tiền	112		322.587.723.945	350.406.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	159.057.127.578	41.237.082.370
1. Đầu tư ngắn hạn	121		159.194.011.243	41.929.801.044
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(136.883.665)	(692.718.674)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.696.304.752.796	5.712.874.715.482
1. Phải thu khách hàng	131		4.568.124.691.781	4.416.392.222.350
2. Trả trước cho người bán	132		749.015.968.401	786.400.409.145
3. Các khoản phải thu khác	135	6	726.902.127.826	822.572.371.453
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(347.738.035.212)	(312.490.287.466)
IV. Hàng tồn kho	140	7	4.802.844.911.921	5.431.279.481.655
1. Hàng tồn kho	141		4.813.448.518.453	5.441.883.088.187
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(10.603.606.532)	(10.603.606.532)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		639.984.850.670	632.249.234.710
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		12.968.617.818	13.177.658.346
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		81.116.003.357	104.742.375.200
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		37.152.581.958	94.076.529.455
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	508.747.647.537	420.252.671.709

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 47 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260+269)	200		10.278.443.621.165	10.024.908.999.755
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.366.558.688.319	2.303.031.510.034
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		1.461.787.879	1.518.786.847
2. Phải thu dài hạn khác	218	9	2.366.199.086.936	2.302.614.909.683
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(1.102.186.496)	(1.102.186.496)
II. Tài sản cố định	220		5.030.262.607.743	5.024.768.715.271
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.733.763.447.728	2.009.702.673.911
- Nguyên giá	222		3.597.265.695.194	3.817.251.901.019
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.863.502.247.466)	(1.807.549.227.108)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	11	39.351.197.075	41.860.862.104
- Nguyên giá	225		84.186.368.637	84.186.368.637
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(44.835.171.562)	(42.325.506.533)
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	48.542.285.388	50.353.516.195
- Nguyên giá	228		55.002.671.449	56.328.410.106
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.460.386.061)	(5.974.893.911)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	3.208.605.677.552	2.922.851.663.061
III. Bất động sản đầu tư	240	14	1.172.733.323.977	989.730.238.102
- Nguyên giá	241		1.429.135.988.023	1.221.062.127.827
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(256.402.664.046)	(231.331.889.725)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.453.874.850.909	1.433.242.105.151
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	15	1.067.988.722.504	1.072.784.811.924
2. Đầu tư dài hạn khác	258	16	412.926.126.634	406.014.283.978
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	16	(27.039.998.229)	(45.556.990.751)
V. Tài sản dài hạn khác	260		253.925.933.821	272.057.853.563
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	151.019.773.034	163.532.037.975
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		100.157.193.437	105.731.323.995
3. Tài sản dài hạn khác	268		2.748.967.350	2.794.491.593
VI. Lợi thế thương mại	269		1.088.216.396	2.078.577.634
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		22.358.655.280.988	22.953.150.462.409

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 47 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014		31/12/2013	
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		15.329.787.327.037		15.828.719.903.468	
I. Nợ ngắn hạn	310		10.180.689.385.900		10.645.236.673.755	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	18	2.414.741.216.171		2.893.616.985.778	
2. Phải trả người bán	312		2.367.697.972.593		2.443.089.313.807	
3. Người mua trả tiền trước	313		2.213.035.221.415		2.096.418.403.926	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	464.785.210.600		492.352.162.054	
5. Phải trả người lao động	315		110.064.925.852		188.382.294.425	
6. Chi phí phải trả	316		840.664.952.359		754.751.036.209	
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	1.733.276.493.229		1.745.272.081.834	
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		3.928.438.597		3.375.523.912	
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		32.494.955.084		27.978.871.810	
II. Nợ dài hạn	330		5.149.097.941.137		5.183.483.229.713	
1. Phải trả dài hạn người bán	331		85.232.525.686		88.956.037.500	
2. Phải trả dài hạn khác	333		58.450.119.160		48.098.677.120	
3. Vay và nợ dài hạn	334	22	3.493.350.827.049		3.595.444.278.251	
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		1.453.084.359		1.613.570.624	
5. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		546.837.030		688.966.680	
6. Dự phòng phải trả dài hạn	337	21	218.361.628.080		205.012.231.892	
7. Doanh thu chưa thực hiện	338		1.288.744.275.534		1.240.710.823.407	
8. Quỹ phát triển khoa học	339		2.958.644.239		2.958.644.239	
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		5.573.016.070.614		5.645.469.390.608	
I. Vốn chủ sở hữu	410		5.319.998.011.550		5.394.266.045.604	
1. Vốn điều lệ	411	23	4.417.106.730.000		4.417.106.730.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	23	355.104.902.000		355.104.902.000	
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	23	7.592.571.842		7.592.571.842	
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	23	6.331.903.482		6.317.720.624	
5. Quỹ đầu tư phát triển	417	23	459.810.482.517		457.558.078.538	
6. Quỹ dự phòng tài chính	418	23	103.185.173.765		102.320.642.770	
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	23	3.327.427.999		3.327.649.438	
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	23	(32.461.180.055)		44.937.750.392	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		253.018.059.064		251.203.345.004	
1. Nguồn kinh phí	432	23	253.018.059.064		251.203.345.004	
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		1.455.851.883.337		1.478.961.168.333	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		22.358.655.280.988		22.953.150.462.409	


Trần Minh Toàn
 Người lập biểu


Nguyễn Quốc Hòa
 Kế toán trưởng


Vũ Quý Hà
 Tổng Giám đốc



Ngày 28 tháng 8 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 47 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		3.557.320.395.472	5.762.579.225.018
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.195.962.063	40.054.773.925
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	25	3.556.124.433.409	5.722.524.451.093
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	3.107.494.284.389	5.000.192.242.275
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		448.630.149.020	722.332.208.818
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	71.964.884.590	179.958.282.896
7. Chi phí tài chính	22	29	104.556.904.008	404.930.623.072
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		118.539.791.957	346.961.977.929
8. Chi phí bán hàng	24		27.128.940.372	112.981.719.778
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		222.711.970.395	137.250.541.606
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		166.197.218.835	247.127.607.258
11. Thu nhập khác	31		158.525.884.494	41.395.723.092
12. Chi phí khác	32		176.350.752.821	28.786.785.526
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	30	(17.824.868.327)	12.608.937.566
14. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	45		23.049.751.154	(115.578.318.126)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		171.422.101.662	144.158.226.698
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		21.315.172.035	18.455.038.778
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		5.032.541.561	7.483.075.533
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		145.074.388.066	118.220.112.387
Trong đó:				
Lợi nhuận phải chia cho các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh			-	5.294.984.288
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		20.872.765.551	16.230.215.701
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		124.201.622.515	96.694.912.398
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	281	219


Trần Minh Toán
Người lập biểu

Nguyễn Quốc Hòa
Kế toán trưởngVũ Quý Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 47 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	171.422.101.662	144.158.226.698
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	166.032.571.677	312.360.950.473
Các khoản dự phòng	03	(16.174.920.215)	(139.034.797.922)
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái	04	(20.922.394.624)	(84.034.380.538)
Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	19.286.945.315	52.996.718.012
Chi phí lãi vay	06	118.539.791.957	346.961.977.929
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	438.184.095.771	633.408.694.652
Thay đổi các khoản phải thu	09	(110.904.059.822)	243.221.128.945
Thay đổi hàng tồn kho	10	628.434.569.734	(38.519.255.805)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(360.588.611.019)	(330.296.256.521)
Thay đổi chi phí trả trước	12	12.721.305.469	(18.937.972.316)
Tiền lãi vay đã trả	13	(154.346.042.741)	(468.949.622.497)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(46.107.436.178)	(71.806.052.068)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	19.812.276.621	12.033.394.584
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(28.894.347.443)	(44.918.107.423)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	398.311.750.392	(84.764.048.449)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(240.720.532.377)	(118.946.566.776)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	87.214.335.489	24.274.687.889
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(121.165.000.000)	(7.193.493.889)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	40.302.917.201	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(6.762.469.349)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	1.657.481.674	32.595.224.211
7. Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	36.369.708.328	53.195.312.138
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(203.103.559.034)	(16.074.836.427)

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 47 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)**
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**MẪU SỐ B 03-DN/HN**
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.472.196.626.221	3.361.324.656.567
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.995.980.646.159)	(3.505.631.038.622)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	(517.701.998)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông	36	(5.103.000)	(19.941.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(523.789.122.938)	(144.844.025.053)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(328.580.931.580)	(245.682.909.928)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.110.600.948.438	906.609.557.993
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	1.515.843.155
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	782.020.016.858	662.442.491.220

Trần Minh Toàn
Người lập biểu

Ngày 28 tháng 8 năm 2014

Nguyễn Quốc Hòa
Kế toán trưởng**Vũ Quý Hà**
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 47 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”), trước đây là Tổng Công ty Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 992/BXD-TCLĐ ngày 20 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Ngày 18 tháng 3 năm 2005, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 56/2005/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án thí điểm cổ phần hóa Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam. Hoạt động của Tổng Công ty với tư cách là một Tổng Công ty cổ phần đã được đăng ký lại với Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014768 ngày 01 tháng 12 năm 2006, và sửa đổi lần thứ 7 ngày 17 tháng 4 năm 2012. Tổng Công ty có mã số doanh nghiệp là 0100105616.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2014, Tổng Công ty bao gồm Công ty mẹ và 31 công ty con. Chi tiết các công ty con và tỷ lệ góp vốn của Công ty mẹ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của các công ty con như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ (%)	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của Công ty mẹ (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	55,14%	55,14%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
2	Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	51,23%	51,23%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
3	Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 (*)	51,00%	51,00%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
4	Công ty Cổ phần Xây dựng số 4 (*)	100,00%	100,00%	Xây dựng các công trình công nghiệp
5	Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	51,00%	51,00%	Xây dựng các công trình công nghiệp
6	Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	51,00%	51,00%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
7	Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	54,33%	54,33%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
8	Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex Đà Nẵng (*)	73,59%	73,59%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
9	Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	52,60%	52,60%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
10	Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	51,00%	51,00%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
11	Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex 16	51,93%	51,93%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
12	Công ty Cổ phần Xây dựng số 17	82,16%	82,16%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
13	Công ty Cổ phần Vinaconex 25	51,00%	51,00%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
14	Công ty Cổ phần Vinaconex 27	81,61%	57,33%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
15	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2	74,55%	72,18%	Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện, sản xuất và kinh doanh điện năng
16	Công ty Cổ phần VIMECO	51,40%	51,40%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
17	Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	77,15%	76,25%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
18	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinaconex	51,00%	51,00%	Tư vấn thiết kế
19	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới (**)	42,50%	42,50%	Tư vấn thiết kế
20	Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Quyết Thắng (*)	56,90%	56,90%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
21	Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Đô thị Việt Nam - VINASINCO	85,26%	75,00%	Thương mại - dịch vụ
22	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nước sạch	52,89%	52,89%	Sản xuất và kinh doanh nước sạch

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)****Hình thức sở hữu vốn (Tiếp theo)**

STT	Tên công ty	Tỷ lệ quyền	Tỷ lệ lợi ích	Hoạt động chính
		biểu quyết của Công ty mẹ (%)	trực tiếp của Công ty mẹ (%)	
23	Công ty Cổ phần Siêu thị và XNK Thương mại Việt Nam	52,33%	51,00%	Thương mại - dịch vụ
24	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex (*)	53,56%	53,56%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
25	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Vinaconex	70,00%	70,00%	Quản lý dự án, giám sát thi công, đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
26	Công ty Cổ phần Vipaco	53,13%	21,25%	Sản xuất và kinh doanh bao bì
27	Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex (*)	55,00%	55,00%	Thương mại - dịch vụ
28	Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex	51,20%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh nước sạch
29	Công ty Cổ phần Vinaconex Dung Quất	96,52%	95,51%	Thương mại - dịch vụ
30	Công ty Cổ phần Vật tư Ngành nước (***)	71,01%	0,00%	Thương mại - dịch vụ
31	Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex	59,12%	59,12%	Thương mại - dịch vụ

(*) Hội đồng Quản trị đã phê duyệt chủ trương thoái vốn tại các công ty này theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang trong quá trình lên kế hoạch để thực hiện Nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Do kế hoạch và thời điểm chuyển nhượng chưa được phê duyệt nên báo cáo tài chính của các công ty này vẫn được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014.

(**) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Tổng Công ty có tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới (Vinaconex R&D) thấp hơn 50% tuy nhiên Tổng Công ty chiếm đa số thành viên trong Hội đồng Quản trị Vinaconex R&D và có quyền kiểm soát thông qua việc chi phối các chính sách tài chính và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty này.

(***) Tại ngày 27 tháng 6 năm 2014, Tổng Công ty đã ký Hợp đồng số 0178/2014/HĐCNCNP/VCG-Viwapico về việc chuyển nhượng 1.850.829 cổ phần Công ty Cổ phần Vật tư Ngành nước. Đến thời điểm phát hành báo cáo soát xét, bên mua đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán với Tổng Công ty theo điều khoản hợp đồng, Tổng Công ty đang tiến hành thủ tục chuyển đổi quyền sở hữu cổ phần do các đơn vị thành viên trong Tổng Công ty nắm giữ cho đối tác. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, mặc dù Công ty mẹ - Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Vinaconex (Công ty con) đã thực hiện chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Vật tư Ngành nước, tuy nhiên do các công ty thành viên còn lại chưa thực hiện xong các thủ tục chuyển đổi quyền sở hữu cho bên mua nên Tổng Công ty vẫn nắm quyền kiểm soát công ty này, do đó, Ban Tổng Giám đốc quyết định hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vật tư Ngành nước vào báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Tổng Công ty.

Lĩnh vực hoạt động của Tổng Công ty:

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình thủy điện, nhiệt điện, phong điện, điện nguyên tử, đường dây và trạm biến thế điện đến 500KV;
- Các công trình hạ tầng kỹ thuật, xã hội khu đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, công trình ngầm, các công trình văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí, công trình du lịch, khách sạn và các loại công trình công cộng khác;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Sản xuất kinh doanh điện thương phẩm;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận-hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Lĩnh vực hoạt động của Tổng Công ty (Tiếp theo):

- Khai thác sản xuất kinh doanh nước sạch, các sản phẩm phục vụ cho xử lý nước thải, chất thải, bảo vệ môi trường;
- Khai thác, sản xuất chế biến, kinh doanh các loại cấu kiện và vật liệu xây dựng bao gồm đá, cát, sỏi, gạch, ngói, xi măng, kính, tấm lợp, nhựa đường, các loại cấu kiện bê tông, đá nhân tạo và các loại vật liệu xây dựng khác;
- Khai thác, chế biến khoáng sản (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Đầu tư kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, siêu thị và các loại hình du lịch (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, quán bar, vũ trường...);
- Quản lý và vận hành các trung tâm thương mại, siêu thị, các khu đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất;
- Kinh doanh dịch vụ giao nhận vận chuyển hàng hóa các loại cấu kiện siêu trường, siêu trọng;
- Kinh doanh dịch vụ mua bán rượu, bia, thuốc lá;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nước giải khát, bánh kẹo, hàng công nghệ phẩm, mỹ phẩm và quà lưu niệm (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, quán bar, vũ trường);
- Đại lý bán lẻ xăng dầu;
- Hoạt động xuất khẩu lao động;
- Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế quy hoạch đô thị;
- Thiết kế hạ tầng cấp thoát nước đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế cấp thoát nước đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình xử lý chất thải rắn;
- Khảo sát trắc địa công trình;
- Thiết kế hạ tầng giao thông, san nền, thoát nước công trình xây dựng;
- Thiết kế điện công trình dân dụng, công nghiệp; tư vấn đầu tư và xây dựng (chỉ thiết kế trong phạm vi các thiết kế đã đăng ký kinh doanh);
- Lập và thẩm định dự án đầu tư;
- Tư vấn đầu thầu và quản lý dự án;
- Tư vấn thiết bị công nghệ mới và thiết bị tự động hóa;
- Đầu tư góp vốn thành lập mới các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn;
- Đầu tư góp vốn vào các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn đang hoạt động;
- Đầu tư kinh doanh cổ phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu và các loại chứng chỉ có giá; đầu tư thành lập các doanh nghiệp liên doanh có 100% vốn của Tổng Công ty cổ phần hoạt động tại nước ngoài;
- Nhận thầu xây lắp các loại hình công trình tại nước ngoài;
- Thực hiện các dịch vụ cung cấp, lắp đặt, sửa chữa, bảo hành điều hòa không khí, điện lạnh, thiết bị phòng chống cháy nổ, thang máy;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Đại lý bán vé máy bay cho các hãng trong và ngoài nước;
- Dệt may công nghiệp;
- Dịch vụ mua bán và chế biến hàng nông lâm sản (trừ các loại gỗ Nhà nước cấm);
- Trồng, chăm sóc, tu bổ, bảo quản rừng, trồng cây công nghiệp và chăn nuôi gia súc, gia cầm;
- Khai thác và sản xuất kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Kinh doanh khai thác cầu cảng, bốc xếp hàng hóa thủy, bộ và cho thuê kho bãi;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường sông và đường biển; và
- Tổ chức các hoạt động giáo dục, đào tạo từ bậc mầm non đến bậc trung học phổ thông, giáo dục đào tạo hướng nghiệp, đào tạo ngoại ngữ và tư vấn du học (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, một số công ty con của Tổng Công ty có dấu hiệu mất khả năng thanh toán, bao gồm: Công ty Cổ phần Xây dựng số 4, Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex Đà Nẵng, Công ty Cổ phần Xây dựng số 15, Công ty Cổ phần Xây dựng số 16, Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Quyết Thắng, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex, Công ty Cổ phần Vật tư Ngành nước, Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn, Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex, Công ty Cổ phần Vipaco, Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex, Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex và Công ty Cổ phần Siêu thị và Xuất nhập khẩu Thương mại Việt Nam. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty mẹ - Tổng Công ty đang trong quá trình tái cơ cấu và có kế hoạch thoái vốn đầu tư tại một số công ty con nêu trên để tập trung nguồn lực phục vụ sản xuất kinh doanh. Theo đó, tình hình tài chính của các công ty này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty mẹ - Tổng Công ty cũng như báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty mẹ và các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết chưa được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Góp vốn liên doanh (Tiếp theo)

Các thoả thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Tổng Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết.

Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

**Từ ngày 01/01/2014
 đến ngày 30/6/2014**

Số năm

Nhà cửa và vật kiến trúc	7 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải	6 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	4 - 30
Máy móc và thiết bị	2 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản cố định vô hình khác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không trích khấu hao.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác là các phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích từ 3 đến 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Từ ngày 01/01/2014
 đến ngày 30/6/2014

Số năm

Nhà cửa và vật kiến trúc

7 - 25

Quyền sử dụng đất

7 - 25

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

Chi phí trả trước dài hạn**Chi phí thuê đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời gian từ 1 năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 2 đến 3 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Doanh thu trợ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất khi có Quyết định phê duyệt chính thức cấp kinh phí trợ cấp của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Doanh thu từ Hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận lãi.

Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Đối với các công ty con đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng, chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần "Vốn chủ sở hữu" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Khi kết thúc giai đoạn đầu tư, toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian tối đa là 5 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014, Ban Tổng Giám đốc đang xem xét và đánh giá ảnh hưởng trong việc tuân thủ các quy định của Luật Quản lý thuế tới báo cáo tài chính của công ty mẹ - Tổng Công ty và các công ty con. Nghĩa vụ thuế trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có thể sẽ thay đổi tùy thuộc vào thông báo và kết quả thanh kiểm tra của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) và lãi suy giảm trên cổ phiếu (Diluted EPS) cho các cổ đông phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tiền mặt	28.383.737.844	20.136.188.712
Tiền gửi ngân hàng	431.048.555.069	740.058.759.726
Các khoản tương đương tiền (i)	322.587.723.945	350.406.000.000
	<u>782.020.016.858</u>	<u>1.110.600.948.438</u>

(i) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các ngân hàng thương mại.

Một số công ty con của Tổng Công ty đã thế chấp toàn bộ số dư tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn không quá 03 tháng để đảm bảo cho các khoản vay. Các khoản tiền gửi này vẫn được các công ty sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh với tính thanh khoản ổn định.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	143.939.462.349	29.248.523.270
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	266.061.423	956.277.774
Đầu tư ngắn hạn khác	14.988.487.471	11.725.000.000
	<u>159.194.011.243</u>	<u>41.929.801.044</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(136.883.665)	(692.718.674)
	<u>159.057.127.578</u>	<u>41.237.082.370</u>

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Phải thu các Tổ đội thi công	211.040.843.562	234.564.184.873
Phải thu Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình (i)	27.450.004.747	190.913.530.444
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại dương Thăng Long	-	85.138.889.000
Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả (i)	97.692.296.081	49.737.069.816
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex (i)	38.634.861.232	38.411.734.966
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	329.053.552	324.453.552
Phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay	4.336.597.222	4.484.851.074
Phải thu khác	347.418.471.431	218.997.657.728
	<u>726.902.127.826</u>	<u>822.572.371.453</u>

(i) Phản ánh giá trị các khoản mà Tổng Công ty cho các công ty này vay.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***7. HÀNG TỒN KHO**

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	115.008.733	423.279.133
Nguyên liệu, vật liệu	49.816.385.929	58.613.618.059
Công cụ, dụng cụ	4.634.917.144	11.384.504.502
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	4.700.093.445.037	5.280.571.016.641
Thành phẩm	18.489.123.654	20.131.553.462
Hàng hoá	6.492.497.616	4.971.287.742
Hàng hóa bất động sản	32.754.705.923	64.941.372.299
Hàng gửi đi bán	1.052.434.417	846.456.349
	4.813.448.518.453	5.441.883.088.187
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(10.603.606.532)	(10.603.606.532)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	4.802.844.911.921	5.431.279.481.655

(*) Như trình bày tại Thuyết minh số 22, Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 (Công ty con của Tổng Công ty) đã ký hợp đồng vay trung hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội - Sở giao dịch Hà Nội (Habubank) (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội) và Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel (Vinaconex - Viettel) để thanh toán chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của Dự án Khu đô thị mới Kim Văn - Kim Lũ ("Dự án") và các chi phí hợp pháp khác liên quan đến Dự án. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay.

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Chi sự nghiệp (i)	96.862.863.526	97.312.827.990
Tạm ứng Tổ đội thi công (ii)	370.737.793.805	290.458.418.022
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	1.234.721.962	2.248.584.492
Tài sản ngắn hạn khác	39.912.268.244	30.232.841.205
	508.747.647.537	420.252.671.709

(i) Tổng Công ty được Nhà nước giao thực hiện một số dự án kinh tế, chính trị, xã hội, ngoài nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh. Các dự án này được trang trải bằng nguồn kinh phí do Ngân sách Nhà nước cấp. Nguồn kinh phí nhận được từ Ngân sách Nhà nước được ghi nhận vào tài khoản "Nguồn kinh phí" thuộc Nguồn kinh phí và quỹ khác. Chi phí dự án phát sinh được ghi nhận vào tài khoản "Chi sự nghiệp" thuộc Tài sản ngắn hạn khác cho tới khi các chi phí này được quyết toán với Nhà nước. Khi đó, chi phí dự án sẽ được giảm trừ vào Nguồn kinh phí. Chi phí dự án được Nhà nước chi trả trực tiếp sẽ được ghi nhận đồng thời vào tài khoản Chi sự nghiệp và Nguồn kinh phí. Nguồn kinh phí do Nhà nước cấp không sử dụng hết sẽ phải được hoàn trả lại Ngân sách Nhà nước. Chi phí dự án còn thiếu sẽ được Ngân sách Nhà nước bồi hoàn.

(ii) Tạm ứng cho các đội thi công phản ánh số tiền các công ty con đã ứng cho các đội, nhân viên của công ty để thực hiện thi công xây dựng hoặc các công việc khác để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty con. Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá khả năng thu hồi của các khoản tạm ứng này và cho rằng không cần thiết phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2014.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Khoản phải thu dài hạn khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 chủ yếu thể hiện các khoản phải thu sau:

- Khoản phải thu Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả với số tiền là khoảng 1.980.254 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 2.007.226 triệu VND) theo Hợp đồng vay VCG số 1 và Hợp đồng vay VCG số 2 ngày 24 tháng 10 năm 2013.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty và Tập đoàn Viễn thông Quân đội đang thực hiện các thủ tục để thống nhất giá trị vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả trong giao dịch chuyển nhượng cổ phần. Do đó, giá trị cuối cùng của khoản phải thu Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả có thể sẽ thay đổi khi giá trị vốn chủ sở hữu được thống nhất.

- Khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex với số tiền khoảng 166.822 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 183.487 triệu VND) theo Hợp đồng cho vay lại vốn số 01/HĐTĐ-VC-TĐCĐ ngày 12 tháng 10 năm 2006 với mục đích để thanh toán nhập khẩu máy móc thiết bị cho Nhà máy Thủy điện Cửa Đạt và Hợp đồng cho vay lại vốn số 02/HĐTĐ-VC-TĐCĐ ngày 12 tháng 10 năm 2006 với mục đích thanh toán phí bảo hiểm tín dụng và lãi vay.

- Khoản phải thu Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình với số tiền khoảng 218.793 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 111.901 triệu VND) theo Hợp đồng cho vay lại vốn số 01/HĐTĐ-VC-XMYB và Hợp đồng cho vay lại vốn số 02/HĐTĐ-VC-XMYB ngày 27 tháng 9 năm 2006 với mục đích để nhập khẩu máy móc thiết bị cho Dự án Nhà máy Xi măng Yên Bình. Ngày 05 tháng 6 năm 2014, Hội đồng Quản trị có Quyết định số 000166/2014/QĐ-HĐQT về việc “Điều chỉnh kế hoạch trả nợ vay đầu tư của Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình. Theo đó, khoản vay của Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình được kéo dài thời gian trả nợ gốc thêm 4 (bốn) năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN/HN

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	1.872.028.708.622	1.061.685.970.121	797.236.213.777	86.301.008.499	3.817.251.901.019
Mua trong kỳ	36.859.750	3.084.873.363	6.348.145.453	745.471.048	10.215.349.614
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	325.617.167	17.256.975.681	-	17.582.592.848
Kết chuyển sang bất động sản đầu tư	(12.916.756.429)	-	-	-	(12.916.756.429)
Thanh lý, nhượng bán	-	(11.250.235.289)	(218.970.648.992)	(142.014.980)	(230.362.899.261)
Tặng/(Giảm) khác trong kỳ	(9.148.366.805)	4.452.098.269	(378.466.552)	570.242.491	(4.504.492.597)
Tại ngày 30/6/2014	1.850.000.445.138	1.058.298.323.631	601.492.219.367	87.474.707.058	3.597.265.695.194
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	573.294.813.225	747.442.992.303	423.847.795.472	62.963.626.108	1.807.549.227.108
Khấu hao trong kỳ	57.973.862.970	30.832.163.761	40.247.285.971	3.352.751.849	132.406.064.552
Kết chuyển sang bất động sản đầu tư	(344.446.838)	-	-	-	(344.446.838)
Thanh lý	-	(8.438.413.569)	(63.852.849.573)	(141.622.484)	(72.432.885.626)
Tặng/(Giảm) khác trong kỳ	(3.251.606.470)	(72.911.706)	(346.396.340)	(4.797.213)	(3.675.711.729)
Tại ngày 30/6/2014	627.672.622.887	769.763.830.789	399.895.835.530	66.169.958.260	1.863.502.247.466
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2014	1.222.327.822.251	288.534.492.842	201.596.383.837	21.304.748.798	1.733.763.447.728
Tại ngày 31/12/2013	1.298.733.895.397	314.242.977.818	373.388.418.305	23.337.382.391	2.009.702.673.911

Như trình bày tại Thuyết minh số 22 - Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đã thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty và các Công ty con với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 1.270.018 triệu VND (31 tháng 12 năm 2013: 1.390.880 triệu VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	2.393.958.725	6.436.163.344	75.356.246.568	84.186.368.637
Tại ngày 30/6/2014	2.393.958.725	6.436.163.344	75.356.246.568	84.186.368.637
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2014	1.669.175.415	4.237.954.086	36.418.377.032	42.325.506.533
Khấu hao trong kỳ	51.543.672	195.521.204	2.262.600.153	2.509.665.029
Tại ngày 30/6/2014	1.720.719.087	4.433.475.290	38.680.977.185	44.835.171.562
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/6/2014	673.239.638	2.002.688.054	36.675.269.383	39.351.197.075
Tại ngày 31/12/2013	724.783.310	2.198.209.258	38.937.869.536	41.860.862.104

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	53.098.362.118	3.230.047.988	56.328.410.106
Tăng trong kỳ	-	300.300.000	300.300.000
Kết chuyển sang bất động sản đầu tư	(1.586.569.235)	-	(1.586.569.235)
Giảm khác trong kỳ	-	(39.469.422)	(39.469.422)
Tại ngày 30/6/2014	51.511.792.883	3.490.878.566	55.002.671.449
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	3.451.046.510	2.523.847.401	5.974.893.911
Khấu hao trong kỳ	223.617.294	383.549.937	607.167.231
Kết chuyển sang bất động sản đầu tư	(82.205.660)	-	(82.205.660)
Giảm khác trong kỳ	-	(39.469.421)	(39.469.421)
Tại ngày 30/6/2014	3.592.458.144	2.867.927.917	6.460.386.061
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2014	47.919.334.739	622.950.649	48.542.285.388
Tại ngày 31/12/2013	49.647.315.608	706.200.587	50.353.516.195

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 (công ty con của Tổng Công ty) đã thế chấp quyền sử dụng đất tại số 52 Lạc Long Quân với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 10.568.382.880 VND (31 tháng 12 năm 2013: 10.637.014.444 VND) để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công trình Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát (*)	1.660.969.205.134	1.341.291.232.406
Công trình Trung tâm Thương mại Chợ Mơ (*)	1.039.443.169.393	1.090.865.520.637
Khu đô thị du lịch Cái Giá - Cát Bà (*)	190.370.903.107	180.664.965.998
Dự án Mở đường vào khu Trung Văn	66.326.145.572	66.326.145.572
Công trình Khu công nghệ cao Hòa Lạc II	62.358.807.928	61.405.319.248
Dự án cấp nước Tây Nam Hà Nội	14.517.734.751	19.714.002.847
Khu đô thị Nam Cầu Trần Thị Lý	73.943.002.351	73.943.002.351
Công trình mạng lưới cấp nước Sông Đà, Hà Nội	26.834.114.731	26.834.114.731
Các dự án khác	73.842.594.585	61.807.359.271
	<u>3.208.605.677.552</u>	<u>2.922.851.663.061</u>

(*) Như trình bày tại Thuyết minh số 22 - Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, tài sản hình thành từ các công trình này được dùng để thế chấp cho các khoản tiền vay theo hợp đồng vay dài hạn giữa các công ty con với các Ngân hàng thương mại và Tổ chức tín dụng.

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa và quyền sử dụng đất	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	1.041.091.405.384	9.627.543.200	170.343.179.243	1.221.062.127.827
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	205.698.078.039	-	-	205.698.078.039
Tăng từ tài sản cố định hữu hình	12.916.756.429	-	-	12.916.756.429
Tăng từ tài sản cố định vô hình	-	1.586.569.235	-	1.586.569.235
Thanh lý, nhượng bán	(13.731.816.164)	-	-	(13.731.816.164)
Tăng/ (Giảm) khác	1.377.694.715	-	226.577.942	1.604.272.657
Tại ngày 30/6/2014	<u>1.247.352.118.403</u>	<u>11.214.112.435</u>	<u>170.569.757.185</u>	<u>1.429.135.988.023</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2014	179.946.086.490	2.316.613.545	49.069.189.690	231.331.889.725
Khấu hao trong kỳ	25.966.943.176	291.197.656	4.251.534.033	30.509.674.865
Tăng từ tài sản cố định hữu hình	344.446.838	-	-	344.446.838
Tăng từ tài sản cố định vô hình	-	82.205.660	-	82.205.660
Thanh lý, nhượng bán	(941.061.581)	-	-	(941.061.581)
Giảm khác	(4.924.491.461)	-	-	(4.924.491.461)
Tại ngày 30/6/2014	<u>200.391.923.462</u>	<u>2.690.016.861</u>	<u>53.320.723.723</u>	<u>256.402.664.046</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/6/2014	<u>1.046.960.194.941</u>	<u>8.524.095.574</u>	<u>117.249.033.462</u>	<u>1.172.733.323.977</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>861.145.318.894</u>	<u>7.310.929.655</u>	<u>121.273.989.553</u>	<u>989.730.238.102</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, bất động sản đầu tư có giá trị còn lại là khoảng 326.647 triệu VND (31 tháng 12 năm 2013: 310.470 triệu VND) đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay ngân hàng.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Tổng Công ty sẽ phải thuê một Công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Tổng Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này, đồng thời cũng không có giá thị trường đáng tin cậy để trình bày.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
Báo cáo tài chính hợp nhất

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết, liên doanh của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau:

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của Công ty mẹ (%)	Hoạt động chính	Giá gốc		Giá trị đầu tư	
						VND	VND	VND	VND
	Góp vốn liên doanh								
1	Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đô thị mới An Khánh (i)	Hà Nội	50,00%	50,00%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS	340.269.000.000	(137.666.577.088)	202.602.422.912	
2	Công ty TNHH Quốc tế Liên doanh VINACONEX - TAISEI	Hà Nội	29,00%	29,00%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS	10.162.950.281	75.128.286.321	85.291.236.602	
	Công ty liên kết								
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex	Hà Nội	29,19%	29,20%	Sản xuất công nghiệp	110.915.000.000	33.007.403.484	143.922.403.484	
2	Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex	Hà Nội	48,53%	44,20%	Thương mại - dịch vụ	14.560.000.000	10.648.209.785	25.208.209.785	
3	Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm VINAVICO	Hà Nội	30,83%	30,83%	Thi công xây lắp các công trình ngầm, thương mại dịch vụ	35.409.654.850	(3.202.011.574)	32.207.643.276	
4	Công ty Cổ phần Vinaconex 6	Hà Nội	36,00%	36,00%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp	34.788.609.112	4.901.890.329	39.690.499.441	
5	Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	Quảng Ninh	30,00%	30,00%	Sản xuất xi măng	600.000.000.000	(524.767.566.665)	75.232.433.335	
6	Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 (i)	Hà Nội	40,48%	30,36%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp	50.608.913.053	(50.608.913.053)	-	
7	Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel (i)	Hà Nội	39,00%	33,00%	Tài chính - ngân hàng	390.000.000.000	36.529.162.335	426.529.162.335	
8	Công ty Cổ phần Ống sợi Thủy tinh Vinaconex	Hà Nội	22,33%	10,00%	Sản xuất công nghiệp	6.900.000.000	722.109.804	7.622.109.804	
9	Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	Yên Bái	31,64%	26,00%	Sản xuất xi măng	81.002.171.000	(55.519.569.470)	25.482.601.530	
10	Công ty Cổ phần đầu tư BOT Hà Nội-Bắc Giang (ii)	Hà Nội	21,00%	21,00%	Đầu tư và khai thác đường cao tốc Hà Nội- Bắc Giang	4.200.000.000	-	4.200.000.000	
						1.678.816.298.296	(610.827.575.792)	1.067.988.722.504	



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH (Tiếp theo)**

- (i) Hội đồng Quản trị đã phê duyệt chủ trương thoái vốn tại các công ty này theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang trong quá trình lên kế hoạch để thực hiện nghị quyết của Hội đồng Quản trị.
- (ii) Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2300846090 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10 tháng 4 năm 2014, tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang đều là 21%.

16. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Vinaconex - Viettel	92.500.000.000	92.500.000.000
Quý Đầu tư Phát triển Việt nam	72.000.000.000	72.000.000.000
Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Quảng Ninh	52.761.753.930	52.761.753.930
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam	40.000.000.000	40.000.000.000
Công ty TNHH VINA SANWA	25.005.670.788	25.005.670.788
Công ty Cổ phần EVN Quốc Tế	24.000.000.000	24.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực Hà Nội	17.663.275.000	17.663.275.000
Công ty Cổ phần Vinaconex Xuân Mai Đà Nẵng	14.500.000.000	14.500.000.000
Các khoản đầu tư dài hạn khác	74.495.426.916	67.583.584.260
	<u>412.926.126.634</u>	<u>406.014.283.978</u>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(27.039.998.229)	(45.556.990.751)
Giá trị thuần của khoản đầu tư dài hạn khác	<u>385.886.128.405</u>	<u>360.457.293.227</u>

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Chi phí trả trước về thuê tài sản	21.738.699.461	21.904.521.462
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	12.865.173.545	19.093.916.769
Khác	116.415.900.028	122.533.599.744
	<u>151.019.773.034</u>	<u>163.532.037.975</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	1.829.852.423.372	2.329.001.283.920
- Vay tại Công ty mẹ	161.753.139.221	426.864.107.077
- Vay tại các công ty con	1.668.099.284.151	1.902.137.176.843
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	584.888.792.799	564.615.701.858
- Vay tại Công ty mẹ	122.627.109.477	150.161.010.100
- Vay tại các công ty con	462.261.683.322	414.454.691.758
	<u>2.414.741.216.171</u>	<u>2.893.616.985.778</u>

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau:

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Vay ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác	1.629.865.370.295	2.134.852.591.754
Vay ngắn hạn cá nhân	199.987.053.077	194.148.692.166
Vay dài hạn đến hạn trả	584.888.792.799	564.615.701.858
	<u>2.414.741.216.171</u>	<u>2.893.616.985.778</u>

Các khoản vay ngắn hạn từ các cá nhân không được đảm bảo và chịu lãi suất trong kỳ từ 5%/năm đến 14%/năm (kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013; từ 0%/năm đến 18%/năm).

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	196.592.922.290	202.257.707.306
Thuế thu nhập doanh nghiệp	55.732.759.215	78.517.633.134
Thuế thu nhập cá nhân	16.627.856.448	18.012.065.190
Thuế tài nguyên	1.266.972.848	859.279.154
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	158.646.444.698	159.075.384.066
Các loại thuế khác	35.918.255.101	33.630.093.204
	<u>464.785.210.600</u>	<u>492.352.162.054</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long tiền đất dự án HH (i)	500.000.000.000	500.000.000.000
Phải trả chi phí thi công công trình	348.703.674.449	488.162.172.337
Kinh phí bảo trì các tòa nhà chung cư (ii)	151.139.992.809	158.891.778.289
Phải trả lãi tiền vay	380.705.344	36.186.956.128
Khoản trích theo lương phải nộp Ngân sách Nhà nước	42.128.148.959	39.352.390.631
Đặt cọc	39.663.213.682	57.807.799.259
Thuế nhà thầu nước ngoài phải nộp (iii)	42.565.009.558	42.565.009.558
Cổ tức phải trả	178.278.725.454	1.599.559.254
- Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước - Công ty TNHH MTV	102.100.461.200	-
- Tập đoàn Viễn thông Quân đội - Viettel	37.604.069.600	-
- Cổ đông khác	38.574.194.654	1.599.559.254
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	430.417.022.974	420.706.416.378
	<u>1.733.276.493.229</u>	<u>1.745.272.081.834</u>

- (i) Khoản tiền nhận từ Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long theo cam kết trong hợp đồng hợp tác với Tổng Công ty để đầu tư xây dựng một khu tổ hợp thương mại tại khu đất HH - Khu đô thị Đông Nam Trần Duy Hưng.
- (ii) Kinh phí bảo trì các tòa nhà phải nộp cho Ban quản lý nhà chung cư theo Luật Nhà ở năm 2006.
- (iii) Là khoản thuế nhà thầu nước ngoài phải nộp liên quan đến tiền lãi vay ngân hàng nước ngoài từ năm 2007 đến năm 2010 mà Tổng Công ty đang hoàn thiện hồ sơ miễn giảm theo hiệp định tránh đánh thuế 2 lần. Khoản phải trả này sẽ được ghi giảm khi Tổng Công ty hoàn thiện các hồ sơ miễn giảm và được cơ quan thuế có thẩm quyền chấp nhận.

21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn chủ yếu bao gồm dự phòng bảo hành cho các dự án N05, dự án Khu Văn phòng và Nhà ở cao cấp Vinaconex 1, dự án chung cư 57 Vũ Trọng Phụng theo tỷ lệ trích lập từ 4,5% - 5% trên doanh thu của các dự án lũy kế đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2014 và các chi phí ước tính để bảo dưỡng và sửa chữa các công trình, dự án khác theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Vay dài hạn	4.036.404.089.808	4.112.097.208.745
- Vay tại Công ty mẹ	1.523.963.973.801	1.611.413.353.829
- Vay tại các công ty con	2.512.440.116.007	2.500.683.854.916
Nợ thuế tài chính dài hạn	41.835.530.040	47.962.771.364
- Tại các công ty con	41.835.530.040	47.962.771.364
	<u>4.078.239.619.848</u>	<u>4.160.059.980.109</u>
Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần Vay và nợ ngắn hạn)	(584.888.792.799)	(564.615.701.858)
Số phải trả sau 12 tháng	<u>3.493.350.827.049</u>	<u>3.595.444.278.251</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN/HN

22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay và nợ dài hạn của Tổng Công ty như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Ngân hàng		
- Ngân hàng BNP Paribas	166.822.514.409	220.184.834.486
- Ngân hàng Natexis	116.137.685.337	129.336.079.058
- Tổng Công ty Thiết bị nặng Quốc gia Trung Quốc	141.302.543.073	167.851.499.715
- Quỹ Đầu tư Phát triển Thành phố Hà Nội	1.062.629.560.570	1.062.629.560.570
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch 1	306.141.500.000	323.141.500.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy	102.000.000.000	116.000.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	130.039.200.240	148.101.943.132
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	161.923.858.800	191.923.858.800
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch	773.111.380.423	657.293.786.355
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai	298.192.071.000	304.856.071.000
- Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex- Viettel	316.633.109.090	411.181.109.090
<i>Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex</i>	282.041.830.000	282.041.830.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Vinaconex</i>	34.591.279.090	37.501.279.090
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex</i>	-	91.638.000.000
- Các khoản vay dài hạn tại các ngân hàng, tổ chức khác	503.306.196.906	427.559.737.903
Cộng	4.078.239.619.848	4.160.059.980.109

(i) Ngày 10 tháng 10 năm 2006, Tổng Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng BNP Paribas, một ngân hàng Pháp có Đăng ký kinh doanh số 662042449 tại Phòng Đăng ký Công ty và Thương mại Paris với số tiền 18.055.000 USD. Khoản vay này chịu lãi suất là LIBOR 6 tháng cộng (+) 1,87%/năm. Khoản vay này phải được hoàn trả trong 20 kỳ 6 tháng bắt đầu từ ngày 12 tháng 4 năm 2010. Khoản vay này được bảo đảm bằng bảo lãnh của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam thông qua Bộ Tài chính Việt Nam.

(ii) Khoản vay này phục vụ cho Dự án Hệ thống cấp nước Sông Đà và được đảm bảo bởi bảo lãnh của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam thông qua Bộ Tài chính Việt Nam. Khoản vay này chịu lãi suất là LIBOR cộng (+) 2,35%/năm. Khoản vay này phải được hoàn trả trong 20 kỳ (6 tháng/1 kỳ) bắt đầu từ ngày 31 tháng 12 năm 2007.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

MÃU SỐ B 09-DN/HN

22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

- (iii) Ngày 27 tháng 9 năm 2006, Tổng Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Tổng Công ty Thiết bị nặng Quốc gia Trung Quốc với số tiền 19.901.767 USD để phục vụ cho Dự án Nhà máy Xi măng Yên Bình. Khoản vay này chịu lãi suất là 3,78%/năm. Khoản vay này phải được hoàn trả trong 15 kỳ 6 tháng bắt đầu từ ngày 28 tháng 12 năm 2009. Khoản vay này được bảo lãnh của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam thông qua Bộ Tài chính Việt Nam.
- (iv) Khoản vay Quỹ đầu tư Phát triển thành phố Hà Nội phục vụ cho Dự án bảo tàng Hà Nội với lãi suất 0% và phục vụ cho Dự án Kim Chung với nhiều hợp đồng vay có thời hạn vay 15 tháng và lãi suất từ 11,4%/năm đến 12%/năm.
- (v) Ngày 06 tháng 12 năm 2010, Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex (công ty con của Tổng Công ty) cùng với Tổng Công ty và Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch 1 ký kết Hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ số 51/2010/HĐKT-NHPT. Theo đó, Công ty nhận lại từ Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam một phần dư nợ trị giá là 493.506.000.000 VND với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch 1. Khoản dư nợ này là của hai khoản vay với lãi suất lần lượt là 6,6%/năm và 8,4%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành sau đầu tư giai đoạn 1 Dự án Đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông.
- (vi) Ngày 05 tháng 8 năm 2010, Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex (công ty con của Tổng Công ty) cùng với Tổng Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy ký kết Phụ lục Hợp đồng số 01/2010/PLHĐTD của Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01-2005/HĐTD-DH ngày 26 tháng 10 năm 2005 (được ký trước đây giữa Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy và Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam). Theo đó, Công ty nhận lại từ Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam một phần dư nợ trị giá là 196.000.000.000 VND với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy. Lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng cộng 3%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành sau đầu tư giai đoạn 1 Dự án Đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông.
- (vii) Ngày 12 tháng 5 năm 2009, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex (công ty con của Tổng Công ty) đã ký Hợp đồng hạn mức tín dụng dài hạn 1200-LAV-201100624 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với hạn mức tín dụng là 400 tỷ VND. Hợp đồng hạn mức tín dụng có thời hạn 5 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 19 tháng 5 năm 2011. Ngày 19 tháng 11 năm 2012, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex đã ký Phụ lục hợp đồng tín dụng số 1200LAV20091205/PL02. Theo Phụ lục này, kế hoạch trả gốc là 6 tháng 1 lần, thời gian ân hạn là 36 tháng, ngày trả nợ gốc đầu tiên là 42 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 20 tháng 11 năm 2014). Thời hạn rút vốn vay là 48 tháng kể từ ngày 12 tháng 5 năm 2009 (ngày ký hợp đồng). Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng trả sau của bên cho vay cộng (+) ba phần trăm một năm (3%/năm). Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ số dư có trên tài khoản tiền gửi của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Sở Giao dịch, các tổ chức tín dụng khác và tài sản hình thành từ Dự án Khu đô thị Du lịch Cái Giá - Cát Bà (cho dù tài sản đó đang tồn tại hay sẽ được hình thành trong tương lai, hiện nay Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex đang tiến hành các thủ tục pháp lý liên quan đến việc thế chấp tài sản hình thành từ Dự án) và được bảo lãnh bởi Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

(viii) Tại ngày 01 tháng 7 năm 2010, Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 (công ty con của Tổng Công ty) ký hợp đồng vay trung hạn với hạn mức tín dụng là 400.000.000.000 VND với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội - Sở giao dịch Hà Nội (Habubank) (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội, gọi tắt là "SHB") và Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel (Vinaconex - Viettel); trong đó SHB là ngân hàng đầu mối, tỷ lệ cam kết cấp khoản vay của SHB và Vinaconex - Viettel lần lượt là 87,5% và 12,5%. Theo Phụ lục hợp đồng tín dụng số 02/PLHĐ-TD/HĐ-SHB.BD ký giữa Công ty và SHB, khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 23 tháng 3 năm 2012 đến ngày 23 tháng 3 năm 2016. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 3%/năm, lãi suất điều chỉnh 3 tháng/lần. Khoản vay được sử dụng để thanh toán chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của dự án khu đô thị mới Kim Văn - Kim Lũ và các chi phí hợp pháp khác liên quan đến dự án. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay.

(ix) Ngày 18 tháng 10 năm 2008, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (công ty con của Tổng Công ty) đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch với hạn mức tối đa là 535,466 tỷ VND, thời hạn vay là 144 tháng để thực hiện thanh toán một phần chi phí đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát. Khoản vay chịu lãi suất không vượt quá mức trần lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ, được tính bằng $(=) 4\%/năm +$ lãi suất tham chiếu (là lãi suất huy động tiết kiệm bình quân từ dân cư bằng VND của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch, Chi nhánh Từ Sơn và Chi nhánh Lào Cai). Các tài sản đảm bảo gồm:

- a. Bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam cho Công ty để vay vốn ngân hàng với giá trị bảo lãnh tối thiểu bằng tổng số tiền ngân hàng đã cam kết cho vay.
- b. Thế chấp cho Ngân hàng toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất, các công trình của dự án, kể cả nhà máy, cùng với các tòa nhà, công trình xây dựng và mọi bất động sản khác được xây dựng, nâng cấp và gắn liền hay tọa lạc vĩnh viễn tại "Dự án" hay trên khu đất trong thời điểm hiện tại và tương lai; Toàn bộ máy móc thiết bị (trong phạm vi tối đa được các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan cho phép) và các động sản khác liên quan đến hoặc thuộc về Dự án (cho dù đang có hay sẽ hình thành trong tương lai) của Công ty theo hợp đồng thế chấp.

Ngày 16 tháng 5 năm 2014, Công ty đã ký Phụ lục hợp đồng tín dụng số 01.2014/PL sửa đổi hạn mức tín dụng thành mức tối đa là 1.129 tỷ đồng và sửa đổi thời hạn vay của Hợp đồng này là 192 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, đồng thời điều chỉnh thời gian rút vốn đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2015.

(x) Ngày 18 tháng 10 năm 2008, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (công ty con của Tổng Công ty) đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai với hạn mức tối đa là 437,745 tỷ VND, thời hạn vay là 96 tháng để thực hiện thanh toán một phần chi phí đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát. Khoản vay chịu lãi suất trong hạn là 11,4%/năm. Công ty dùng các tài sản hình thành sau đầu tư của Dự án và các tài sản khác thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty để thế chấp khoản vay này. Công ty dùng các tài sản khác thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty để thế chấp khoản vay này.

(xi) Ngày 14 tháng 6 năm 2012, Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex (công ty con của Tổng Công ty) đã ký Hợp đồng vay trung hạn số 14-0612/TDTH-VCTD với Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel với hạn mức cho vay là 200 tỷ VND để thanh toán các chi phí xây dựng, mua sắm lắp đặt thiết bị thuộc dự án Trung tâm Thương mại Chợ Mơ. Thời hạn cho vay tối đa là 12 tháng tính cho từng lần rút vốn. Khoản vay chịu lãi suất 15,5%/năm. Công ty dùng các tài sản hình thành sau đầu tư của Dự án và các tài sản khác thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty để thế chấp khoản vay này. Ngày 30 tháng 11 năm 2013, Công ty và Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel đã ký thỏa thuận xử lý tài sản đảm bảo gồm toàn bộ diện tích mặt sàn từ tầng 6 đến tầng 15 và một phần tầng 16 của Tòa nhà văn phòng để đối trừ khoản vay có giá trị tương đương là 282 tỷ VND. Hiện hai bên đang tiến hành các thủ tục xử lý tài sản theo Biên bản thỏa thuận.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Biến động vốn cổ phần trong kỳ/năm như sau:**

	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014		Năm 2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ/năm	441.710.673	4.417.106.730.000	441.710.673	4.417.106.730.000
Số dư cuối năm	441.710.673	4.417.106.730.000	441.710.673	4.417.106.730.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN/HN

24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Tổng Công ty và các công ty con hoạt động trong 4 lĩnh vực kinh doanh là xây lắp và kinh doanh bất động sản, sản xuất công nghiệp, dịch vụ thương mại, và đầu tư tài chính. Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/6/2014

Tài sản	Xây lắp và kinh doanh bất động sản VND		Sản xuất công nghiệp VND		Dịch vụ thương mại VND		Đầu tư tài chính VND		Loại trừ VND		Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	17.288.189.500.347	3.394.845.974.546	2.369.514.033.618	2.686.083.801.635	(3.379.978.029.158)	22.358.655.280.988					
Tổng tài sản hợp nhất	17.288.189.500.347	3.394.845.974.546	2.369.514.033.618	2.686.083.801.635	(3.379.978.029.158)	22.358.655.280.988					
Nợ phải trả	12.799.800.965.660	2.407.884.058.052	1.884.365.860.765		(1.762.263.557.440)	15.329.787.327.037					
Nợ phải trả bộ phận	12.799.800.965.660	2.407.884.058.052	1.884.365.860.765		(1.762.263.557.440)	15.329.787.327.037					
Tổng nợ phải trả hợp nhất	12.799.800.965.660	2.407.884.058.052	1.884.365.860.765		(1.762.263.557.440)	15.329.787.327.037					

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2013

Tài sản	Xây lắp và kinh doanh bất động sản VND		Sản xuất công nghiệp VND		Dịch vụ thương mại VND		Đầu tư tài chính VND		Loại trừ VND		Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	17.915.785.295.986	3.115.852.616.807	2.483.891.108.014	2.665.197.526.240	(3.227.576.084.638)	22.953.150.462.409					
Tổng tài sản hợp nhất	17.915.785.295.986	3.115.852.616.807	2.483.891.108.014	2.665.197.526.240	(3.227.576.084.638)	22.953.150.462.409					
Nợ phải trả	13.324.245.959.175	2.170.477.718.618	1.931.869.274.505		(1.597.873.048.830)	15.828.719.903.468					
Nợ phải trả bộ phận	13.324.245.959.175	2.170.477.718.618	1.931.869.274.505		(1.597.873.048.830)	15.828.719.903.468					
Tổng nợ phải trả hợp nhất	13.324.245.959.175	2.170.477.718.618	1.931.869.274.505		(1.597.873.048.830)	15.828.719.903.468					

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN/HN

24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

	Xây lắp và kinh doanh bất động sản VND	Sản xuất công nghiệp VND	Dịch vụ thương mại VND	Đầu tư tài chính VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần	3.607.181.179.355	343.114.860.740	62.153.472.005	-	(456.325.078.691)	3.556.124.433.409
Doanh thu hoạt động tài chính	12.368.113.173	1.874.724.606	602.008.932	139.520.085.514	(82.400.047.635)	71.964.884.590
Chi phí sản xuất kinh doanh	3.580.666.630.283	298.169.221.147	69.656.735.913	(1.164.726.762)	(485.435.761.417)	3.461.892.099.164
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	38.882.662.245	46.820.364.199	(6.901.254.976)	140.684.812.276	(53.289.364.909)	166.197.218.835
(Lỗ)/Lãi trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	23.049.751.154	-	23.049.751.154
Lợi nhuận/(Lỗ) khác	33.143.875.364	(5.044.262.660)	(55.109.503.508)	9.185.022.477	-	(17.824.868.327)
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	72.026.537.609	41.776.101.539	(62.010.758.484)	172.919.585.907	(53.289.364.909)	171.422.101.662

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

	Xây lắp và kinh doanh bất động sản VND	Sản xuất công nghiệp VND	Dịch vụ thương mại VND	Đầu tư tài chính VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần	4.687.378.298.256	1.932.330.193.865	101.865.154.135	-	(999.049.195.163)	5.722.524.451.093
Doanh thu hoạt động tài chính	23.537.672.019	120.982.346.132	514.873.809	310.594.460.342	(275.671.069.406)	179.958.282.896
Chi phí sản xuất kinh doanh	4.667.492.977.681	2.106.721.461.245	141.461.916.080	240.821.028.202	(1.501.142.256.477)	5.655.355.126.731
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	43.422.992.594	(53.408.921.248)	(39.081.888.136)	69.773.432.140	226.421.991.908	247.127.607.258
Lãi trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	(115.578.318.126)	-	(115.578.318.126)
Lợi nhuận khác	14.802.688.017	(2.417.413.764)	223.663.313	-	-	12.608.937.566
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	180.618.267.643	73.694.909.700	(39.217.854.339)	(70.937.096.306)	226.421.991.908	144.158.226.698

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***25. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
Doanh thu xây lắp	2.161.303.271.208	3.272.101.184.808
Doanh thu sản xuất công nghiệp	474.554.939.081	1.466.824.406.063
Doanh thu kinh doanh bất động sản	611.270.662.043	573.127.013.153
Doanh thu cung cấp dịch vụ	213.417.668.960	265.815.889.597
Doanh thu khác	96.773.854.180	184.710.731.397
	3.557.320.395.472	5.762.579.225.018
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	-	37.924.379.465
Giảm giá hàng bán	31.754.456	522.830.609
Hàng bán bị trả lại	1.164.207.607	1.607.563.851
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.556.124.433.409	5.722.524.451.093

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
Giá vốn xây lắp	1.969.434.905.336	2.992.942.026.008
Giá vốn sản xuất công nghiệp	356.362.702.853	1.153.892.099.350
Giá vốn kinh doanh bất động sản	549.802.449.039	495.919.962.650
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	150.236.600.771	201.981.728.916
Giá vốn hàng bán khác	81.657.626.390	155.456.425.351
	3.107.494.284.389	5.000.192.242.275

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.123.162.936.673	2.040.681.385.762
Chi phí nhân công	465.768.287.596	702.916.438.593
Chi phí khấu hao tài sản cố định	166.032.571.677	312.360.950.473
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	1.006.436.960.133	2.229.224.552.147
	2.761.400.756.079	5.285.183.326.975

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	45.213.009.441	26.514.419.895
Lãi chênh lệch tỷ giá	22.751.828.044	132.102.019.313
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.189.446.786	4.383.616.212
Lãi chuyển nhượng đầu tư tài chính	-	7.610.356.772
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.810.600.319	9.347.870.704
	71.964.884.590	179.958.282.896

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	118.539.791.957	346.961.977.929
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	1.242.567.465	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.963.302.353	48.067.638.775
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá các khoản đầu tư	(18.788.515.531)	(8.215.243.469)
Chi phí tài chính khác	1.599.757.764	18.116.249.837
	104.556.904.008	404.930.623.072

30. LỖ KHÁC

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
Thanh lý tài sản cố định	83.224.182.987	27.109.459.969
Hoàn nhập chi phí bảo hành dự án N05	12.074.488.443	-
Các khoản thu nhập khác	63.227.213.064	14.286.263.123
Thu nhập khác	158.525.884.494	41.395.723.092
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	170.720.768.217	12.365.942.887
Các khoản chi phí khác	5.629.984.604	16.420.842.639
Chi phí khác	176.350.752.821	28.786.785.526
Lỗ thuần từ hoạt động khác	(17.824.868.327)	12.608.937.566

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông Công ty mẹ trong kỳ là 124.201.622.515 VND (kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013: 96.694.912.398 VND) và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 441.710.673 (kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013: 441.710.673), được thực hiện như sau:

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	145.074.388.066	118.220.112.387
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông Công ty mẹ (VND)	124.201.622.515	96.694.912.398
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	441.710.673	441.710.673
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	281	219

32. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Theo Thông báo số 65/TB-VPCP ngày 29 tháng 02 năm 2012 của Văn phòng Chính phủ về việc “Ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng tại cuộc họp về xử lý tài chính sau thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam”, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng có ý kiến kết luận như sau:

- Đồng ý nội dung báo cáo và kiến nghị của Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng về việc xử lý khoản tiền sử dụng đất và tầng 1 các nhà chung cư cao tầng Vinaconex đã xây dựng tại Dự án Khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính.

- Đồng ý với kiến nghị của Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng về việc xử lý khoản lỗ và khoản tiền do các cổ đông chưa nộp khi tăng vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Vinaconex.

- Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội xem xét điều chỉnh lại quy hoạch và tính toán tiền sử dụng đất phải nộp đối với diện tích đất xây dựng các nhà nổi trên đất lưu không tại Khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính.

- Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Thanh tra Chính phủ, Bộ Tài chính xác định lại thời điểm (thời gian) phát sinh việc Vinaconex dùng giá trị lợi thế về quyền sử dụng đất được Nhà nước giao góp vốn vào liên danh thực hiện Dự án Khu đô thị Bắc An Khánh để xử lý theo đúng quy định.

Tiếp theo Thông báo số 65/TB-VPCP ngày 29 tháng 02 năm 2012 về xử lý tài chính sau thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty, Bộ Xây dựng đã phối hợp với Thanh tra Chính phủ, Bộ Tài chính và có Công văn số 1858/BXD-ĐMDN ngày 24 tháng 10 năm 2012 trình lên Thủ tướng Chính phủ về việc xác định lại thời điểm (thời gian) phát sinh việc Vinaconex dùng giá trị lợi thế về quyền sử dụng đất được Nhà nước giao góp vốn vào liên danh thực hiện Dự án Khu đô thị Bắc An Khánh. Theo đó, việc ghi nhận thỏa thuận hợp tác kinh doanh giữa Vinaconex và Posco E&C phát sinh trong giai đoạn Vinaconex đang là doanh nghiệp nhà nước. Tuy nhiên, khoản 192 tỷ VND quyền phát triển dự án Khu đô thị Bắc An Khánh có hiệu lực theo giấy chứng nhận đầu tư, do tỉnh Hà Tây cấp cho Công ty liên doanh ngày 08 tháng 12 năm 2006, thì tại thời điểm đó Vinaconex đã là Công ty Cổ phần (từ ngày 01 tháng 12 năm 2006). Công văn số 1858/BXD-ĐMDN đang trình Thủ tướng Chính phủ xem xét và quyết định.

Đối với các vấn đề khác, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc, giải trình với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc thực hiện các ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ khoản điều chỉnh nào liên quan đến các vấn đề nêu trên.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 và Thuyết minh số 22, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các khoản vay	5.908.092.043.220	6.489.061.264.029
Trừ: Tiền và khoản tương đương tiền	782.020.016.858	1.110.600.948.438
Nợ thuần	5.126.072.026.362	5.378.460.315.591
Vốn chủ sở hữu	5.319.998.011.550	5.394.266.045.604
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,96	1,00

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	782.020.016.858	1.110.600.948.438
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.313.847.472.714	7.229.505.816.371
Đầu tư ngắn hạn	159.057.127.578	41.237.082.370
Đầu tư dài hạn	385.886.128.405	360.457.293.227
Tổng cộng	8.640.810.745.555	8.741.801.140.406
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	5.908.092.043.220	6.489.061.264.029
Phải trả người bán và phải trả khác	4.164.153.500.377	4.165.416.110.261
Chi phí phải trả	840.664.952.359	754.751.036.209
Tổng cộng	10.912.910.495.956	11.409.228.410.499

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ hoạt động do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro lãi suất hay rủi ro về giá có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về lãi suất hay giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tổng Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2014	31/12/2013	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	619.634.560.771	669.515.778.841	2.647.524.772.092	3.012.562.313.056

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ, Đồng Euro và Đồng Yên Nhật.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam thay đổi 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Tổng Công ty sẽ tăng/(giảm) các khoản tương ứng như sau:

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	202.789.021.132	(63.850.153.895)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro lãi suất*

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối kỳ là số dư tiền vay trong suốt kỳ hoạt động, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 sẽ (giảm)/tăng như sau:

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014		
VND	+200	(118.161.840.864)
VND	-200	118.161.840.864
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013		
VND	+200	(186.305.126.788)
VND	-200	186.305.126.788

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Tổng Công ty đã đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính với số tiền khoảng 27 tỷ VND.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Tổng Công ty đã thực hiện xem xét đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu và trích lập dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi với số tiền khoảng 347,7 tỷ VND.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
30/6/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	782.020.016.858	-	782.020.016.858
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.947.288.784.395	2.366.558.688.319	7.313.847.472.714
Đầu tư ngắn hạn	159.057.127.578	-	159.057.127.578
Đầu tư dài hạn	-	385.886.128.405	385.886.128.405
	5.888.365.928.831	2.752.444.816.724	8.640.810.745.555
Các khoản vay	2.414.741.216.171	3.493.350.827.049	5.908.092.043.220
Phải trả người bán và phải trả khác	4.020.470.855.531	143.682.644.846	4.164.153.500.377
Chi phí phải trả	840.664.952.359	-	840.664.952.359
	7.275.877.024.061	3.637.033.471.895	10.912.910.495.956
Chênh lệch thanh khoản thuần	(1.387.511.095.230)	(884.588.655.171)	(2.272.099.750.401)
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.110.600.948.438	-	1.110.600.948.438
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.926.474.306.337	2.303.031.510.034	7.229.505.816.371
Đầu tư ngắn hạn	41.237.082.370	-	41.237.082.370
Đầu tư dài hạn	-	360.457.293.227	360.457.293.227
	6.078.312.337.145	2.663.488.803.261	8.741.801.140.406
Các khoản vay	2.893.616.985.778	3.595.444.278.251	6.489.061.264.029
Phải trả người bán và phải trả khác	4.028.361.395.641	137.054.714.620	4.165.416.110.261
Chi phí phải trả	754.751.036.209	-	754.751.036.209
	7.676.729.417.628	3.732.498.992.871	11.409.228.410.499
Chênh lệch thanh khoản thuần	(1.598.417.080.483)	(1.069.010.189.610)	(2.667.427.270.093)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức kiểm soát được. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty và các Công ty con có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn bằng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty và các khoản hỗ trợ tài chính bằng các khoản vay từ ngân hàng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34. CÁC KHOẢN CAM KẾT CHI TIÊU VỐN

- Công ty mẹ - Tổng Công ty cam kết góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang với số tiền 104,2 tỷ VND, chiếm 21% vốn điều lệ. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2014, Tổng Công ty đã góp 4,2 tỷ VND, tương ứng 21% trên tổng số vốn điều lệ lần 1 của Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang.
- Theo Nghị quyết số 06/NQ/VC2-HDQT ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinaconex 2 về việc phê duyệt đầu tư dự án xây dựng cải tạo nâng cấp Quốc lộ 38 qua địa phận tỉnh Bắc Ninh và Hải Dương theo hình thức hợp đồng BOT với tổng vốn đầu tư là 1.679,8 tỷ VND, Công ty Cổ phần Vinaconex 2 cam kết sẽ thực hiện góp vốn vào Liên danh nhà đầu tư với tỷ lệ góp vốn 31% (tương ứng 75,3 tỷ VND). Tại ngày phát hành báo cáo này, Công ty đang tiến hành thủ tục góp vốn đầu tư vào Liên danh theo cam kết.

35. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ

Ngày 29 tháng 7 năm 2014, tại Trụ sở Tổng Công ty, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã đến làm việc với Tổng Công ty và công bố Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 03/C46-P10 ngày 24 tháng 7 năm 2014 liên quan đến việc thiết kế, phê duyệt, sản xuất và xây lắp tuyến ống truyền tải nước sạch Dự án nước sông Đà (giai đoạn 1) của Vinaconex. Hiện nay, Tổng Công ty đang phối hợp chặt chẽ với Cục cảnh sát kinh tế và cơ quan pháp luật khác có liên quan để báo cáo, giải trình và làm rõ các nội dung có liên quan theo yêu cầu.

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 đã được soát xét.



Trần Minh Toàn
Người lập biểu

Ngày 28 tháng 8 năm 2014



Nguyễn Quốc Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Quý Hà
Tổng Giám đốc

